TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MINH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 8 năm 2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thoả;

2. Bà Phan Thị Bình.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lâm Thái Hùng – Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2021/TLST- HNGĐ ngày 14/6/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sính Thị C, sinh năm 1997; nghề nghiệp: Làm nương; dân tộc: Mông; địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi ở hiện nay: Thôn H, xã S1, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Cháng Mí P, sinh năm 1994; nghề nghiệp: Làm nương; dân tộc: Mông; địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông: Ông Cháng Văn M, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2021 và Bản tự khai đề ngày 15/6/2021 của nguyên đơn chị Sính Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cháng Mí P, sinh năm 1994, trú tại: Thôn L, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang, qua thời gian tự nguyện tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình, chị C và anh P được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương và chung sống cùng nhau từ thời điểm tháng 10 năm 2012

vì lúc đó chị C vẫn chưa đủ tuổi nên không đi đăng ký kết hôn được và cho đến nay chị và anh P vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống do P thường xuyên đi làm thuê và đã nẩy sinh tình cảm quan hệ ngoài luồng với người phụ khác, ít quan tâm đến vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn chửi bới chị khiến cuộc sống lâm vào mâu thuẫn trầm trọng, mặc dù sự việc đã được gia đình bạn bè khuyên nhủ nhưng cả hai vẫn không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, chính vì vậy chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh P được ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị C và anh P có 03 con chung gồm: Cháu Cháng Thị P, sinh ngày 18/12/2014, cháu Cháng Thị L, sinh ngày 05/3/2017, cháu Cháng Thị C hiện nay chưa có giấy khai sinh. Khi ly hôn chị C yêu cầu nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho chị nuôi con mỗi tháng số tiền là 2.250.000 đồng.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị C xin vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị C đã có đơn xin miễn án phí, chị C đề nghị được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 25/6/2021 của anh Cháng Mí P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Sính Thị C chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2012 và cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh chị có với nhau 03 con chung và một ít tài sản chung là nông sản lúa, ngô phục vụ nhu cầu cuộc sống, nhà và đất là của bố mẹ anh tại thôn L, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống anh chị không có mâu thuẫn gì, nay chị C làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí.

- Về con chung: Anh P xác nhận có 03 con chung là Cháng Thị P, sinh ngày 18/12/2014, cháu Cháng Thị L, sinh ngày 05/3/2017, cháu Cháng Thị C hiện nay chưa có giấy khai sinh. Khi ly hôn anh P yêu cầu nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Cháng Thị P, sinh ngày 18/12/2014, cháu Cháng Thị L, sinh ngày 05/3/2017, cháu Cháng Thị C hiện nay chưa có giấy khai sinh không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản công nợ chung: Anh P xin Tòa để anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/6/2021 có mặt cả hai bên nguyên đơn chị Sính Thị C và bị đơn anh Cháng Mí P, tại phiên họp chị chúa và anh P vẫn giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại các Biên bản xác ngày 06/8/2021 tại thôn L, xã S và tại thôn H, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang đã xác định được chị Sính Thị C và anh Cháng Mí P có hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang, anh P và chị C chung sống như vợ chồng từ thời điểm tháng 10 năm 2012 cho đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống chị C và anh P có với nhau 03 con chung và tạo lập được một ít tài sản là nông sản lúa, ngô để phục vụ sinh hoạt cuộc sống

thường ngày còn tài sản khác không có nhà và đất là của bố mẹ anh P tại thôn L, xã S, huyện Y. Quá trình chung sống hai bên có xảy ra mâu thuẫn; về điều kiện công việc và mức thu nhập chị C, anh P đều không có công việc và mức thu nhập ổn định cả hai đều là thuần nông công việc chính là trồng trọt làm ra nông sản phục vụ nhu cầu đời sống sinh hoạt, thỉnh thoảng có thời gian anh P có đi làm thuê để kiếm tiền thêm về trang trải cho cuộc sông để bớt đi khó khăn trong gia đình nông thôn đối với anh P, chị Chúa làm nghề trồng trọt, mức thu nhập bình quân của người dân trên địa bàn là 14.000.000đ/1 người/1 năm tức là hơn 1.166.000 đồng/1 người/1 tháng.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chung đối với cháu Cháng Thị P, sinh ngày 18/12/2014, cháu P có nguyện vọng được ở cùng mẹ là Sính Thị C.

Tại phiên toà ngày hôm nay, nguyên đơn chị Sính Thị C vẫn giữ nguyên quan điểm về đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh P; về con chung: chị C đề nghị nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Cháng Thị P, sinh ngày 18/12/2014, cháu Cháng Thị L, sinh ngày 05/3/2017, cháu Cháng Thị C, sinh năm 2018 hiện nay chưa có giấy khai sinh và yêu cầu anh P cấp dưỡng cho chị nuôi con mỗi tháng 700.000đ/1 con /1 tháng cho cả 3 con chung tổng số là 2.100.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Cháng Mí P nhất trí ly hôn; về con chung anh đề nghị nuôi 02 con chung là Cháng Thị P, sinh ngày 18/12/2014, cháu Cháng Thị L, sinh ngày 05/3/2017, đề nghị chị C nuôi dưỡng cháu Cháng Thị C, sinh năm 2018 và anh P không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con; về tài sản công nợ chung anh P xin tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh tham gia phiên toà có quan điểm:

1. Việc chấp hành pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sính Thị C và anh Cháng Mí P.

- Về con chung: Giao 03 con chung là Cháng Thị P, sinh ngày 18/12/2014, Cháng Thị L, sinh ngày 05/3/2017, Cháng Thị C, sinh năm 2018 hiện nay chưa có giấy khai sinh cho chị C nuôi dưỡng, anh P cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000đ/tháng cho cả 03 con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến, kết quả tranh luận tại phiên tòa của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh.

[1] Về Việc chấp hành pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn, bị đơn dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ pháp luật Tố tụng dân sự đã quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Chị Sính Thị C khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Cháng Mí P tại Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Sính Thị C và anh Cháng Mí P chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2012 được hai bên gia đình tổ chức cho về chung sống như vợ chồng theo phong tục của địa phương và không có đăng ký kết hôn. Nhận thấy việc chị C và anh P chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ, giữa vợ chồng, tuy nhiên quá trình chung sống giữa chị C và anh P có với nhau 03 con chung do vậy làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh P và giải quyết yêu cầu của các đương sự về con chung.

[4] Về con chung: Tại phiên Tòa các đương sự đều xác nhận hiện tại 03 con chung đang ở với chị C nuôi dưỡng đều đang phát triển khỏe mạnh và đều được học hành; các đương sự đều xác nhận trong suốt quá trình kể từ khi các con được sinh ra và khôn lớn cho đến nay, anh P chưa quan tâm chăm sóc con được ngày nào, đồng thời anh P bỏ mặc để một mình chị Chúa tự tay chăm sóc, không đoái hoài gì đối với các con chung cũng như không có trách nhiệm gì trong việc chăm sóc các con; Tại biên bản lấy lời khai của cháu Cháng Thị P, sinh ngày 18/12/2014 có nguyện vọng được ở cùng chị C; Tại biên bản xác minh tại thôn H đã xác minh làm rõ quá trình chị C về sinh sống tại địa phương không thấy có anh P quan tâm, chăm sóc gì đối với các con chung giữa chị C và anh P; mặt khác các con chung giữa chị C và anh P đều là con gái, nên việc để chị C chăm sóc nuôi dưỡng sẽ thuận tiện hơn cho

việc phát triển về tâm sinh lý đối với bé gái; hai cháu L, cháu C hiện đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó cần giao các con chung cho chị C chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về điều kiện thu nhập và việc làm: Chị C và anh P đều làm nghề trồng trọt và chăn nuôi làm ra nông sản để nuôi sống bản thân và gia đình, Tại phiên tòa anh P xác nhận bản thân ngoài công việc trồng trọt, anh P có thêm nghề thu nhập từ việc làm tóc thu nhập ổn định từ 1.500.000đ/tháng trở lên. do vậy cần buộc anh P cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000đ/tháng cho cả 03 con chung (cấp dưỡng cho mỗi con chung là 500.000đ/tháng) là phù hợp với điều kiện khả năng kinh tế của anh P, phù hợp với mức thu nhập bình quân trên đầu người tại đại phương, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Tại phiên tòa các đương sự một lần nữa đều có ý kiến xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Do nguyên đơn chị Sính Thị C là người dân tộc Mông (dân tộc thiểu số) hiện đang sinh sống tại nơi có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên chị C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Cháng Mí P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sính Thị C và anh Cháng Mí P.

2. Về con chung: Giao các con chung Cháng Thị P, sinh ngày 18/12/2014, Cháng Thị L, sinh ngày 05/3/2017, Cháng Thị C, sinh năm 2018 cho chị Sính Thị C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh P cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000đ/1 tháng cho cả 03 con chung (500.000đ/1 tháng/1 con), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người nhận và quản lý tiền cấp dưỡng là chị Sính Thị C.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho nguyên đơn chị Sính Thị C.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về Thi hành án dân sự: Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- UBND xã S, huyện Y;
- Lưu HS ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Đạng